TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAN LỘC** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 81/2018/QĐST-HNGĐ	*Can Lộc, ngày 17 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 88/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/9/2018 giữa chị Trần Thị T; Sinh năm: 19xx; HKTT: Xóm x, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh và anh Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1988; HKTT: Xóm x, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07/9/2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07/9/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn T2

2. Công nhận sự thoả thuận của chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn T2 như sau:

- Về quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: Chị T và anh T2 có 02 con chung là Nguyễn Trọng Duy T3, sinh ngày 02/12/20xx và Nguyễn Trọng Thế K,

sinh ngày 22/3/20xx.

Sau khi ly hôn anh T2 được quyền trực tiếp nuôi 02 con đến khi các con thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm. Chị T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con được sống chung với anh T2 và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

- Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trọng Duy T3. Chị T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trọng Thế K một tháng 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 10/2018 đến khi cháu Kthành niên hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con sau ly hôn, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Kể từ tháng 10/2018 và ngày anh T2 có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nói trên thì chị T còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

- Về tài sản chung: Chị T và anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T chịu trách nhiệm nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị T đã nộp theo biên lai số 0004370 ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Can Lộc.

Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Công nhận sự thoả thuận của chị Trần Thị T, anh Nguyễn Văn T2 và bà Phan Thị Đ về nợ chung như sau:

Trong thời kỳ hôn nhân, chị T và anh T2 nợ bà Đ 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng). Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn T2 có trách nhiệm trả nợ cho bà Phan Thị Đ 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng), chị Trần Thị T có trách nhiệm trả nợ cho bà Phan Thị Đ 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng). Thời điểm trả nợ là ngày Tòa án ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T2.

Kể từ ngày 17/9/2018 và ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nợ mà chị T, anh T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì chị T, anh T2 còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Can Lộc;
- Chi cục THADS huyện Can Lộc;
- UBND xã T;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC
Thẩm phán

Ngô Thị Thanh